

(Tiếp theo)

Kinh tế chiến tranh: Phái mạnh cộng sản mà 9 phần 10 nhân loại thuộc về phái yếu: cồng, khố, nhân loại mới chia ngay ra làm 2 giai cấp là tư bản và lao động, mà lịch sử nhân loại cũng sinh ra một kỷ nguyên mới, là kỷ nguyên kinh

Vật tặng

Hiện : Thông-Hoạt : ở Quảng Trị
vừa rồi có gói tặng Hân báo một
gói thuốc dùng trị các chứng đau
mắt. Mỗi gói giá \$c8. Vật có lời
cảm ơn quý bạn và lời chào mừng
độc giả. T. D.

Sách vở báo chí, đồ dùng học sinh. Đồ gỗ rất rẻ như giường, bàn, ghế, salon, buffet, garde-manger. Đồ Thonet như bàn ghế, rocking chair, giá áo, mốt áo, nôi, xe tay cò, Autefori, quốc Phai-yến, chỉ trái, salon. Rượu dân hiện Miền Vải và Bích-Điện ở Quảng-Bình.

Khai-Dịch.
***PHANTHET:** là thành-Hưng, rằng
 Đó là những chỉ-điểm hay các
 thuộc rất hay của **Lý-học-Phách-h**

12 — Đồng Khánh — HU2

Đay, chỉ xin bà con khi nào mua dầu cũng xem kỹ hai chữ KHUYNH DIỆP (có chữ-san tại tòa), cái ve Khuynh Diệp, cái nhãn Khuynh Diệp, vì cáo bạch Khuynh Diệp và cổ nhất là chất dầu, vì chỉ có dầu KHUYNH DIỆP mới thật là hoàn toàn tốt, mới có thể cho bà con dùng tin đáng hơn hết. Nếu dầu khác có lợi được hai chữ KHUYNH DIỆP thì cũng là một cách quảng cáo rất tốt cho dầu KHUYNH DIỆP thôi.

Chuyên trị những bệnh :

== Nhà tổng phát hành : ==
VĨNH-THO Rue Mare Pourpre **TOURANE**

Bên thành hành vi nhất, các bệnh nguy hiểm sinh ra cũng nhiều, vì là do lây nhiễm từ liên hệ xã hội tới người của từ xưa đến nay, nên một phần mình rất khó thoát ra năm 1935 rồi là toàn toàn và thành phố. Thế thời này được mà như là thường, bất cứ tình hình hay mới mẻ, do thấy biết: từ họ là hiện hình trong bộ sưu tập đồng bộ; Nhẹ: 2 hộp; Nặng: 4 hộp (xét xét) và các loại của bệnh này được.

12. ROUTE SINH-TỬ, HANOI

Cán nhiều đại-lý các tỉnh Trung-kỳ

NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG

BỘ-HUYẾT — SÁT-TRÙNG

Số đường thân-thể - Lọc sạch máu bẩn - Làm
huyết mạch - Công-dụng độc-biệt là sai được
LẠU và GIANG-MẠI, và các chứng sùi, lở, ghẻ-
vẩy, trĩ là đần, xanh xao - Đần da có mang
thai - Ở chỗ đang chông dỏ da, mau trở lại
Mũi khai 1850 - Nửa (d) 7850

THẬN HƯ — DI-TINH

CHUYÊN TRỊ: Di-tinh, mộng tinh, hoạt-tinh - Khi s
phải: đau lưng, mắt mỏi, mắt hoa, tai á, đầu váng, cò h
ráo, môi khô - Bên nam-tinh, hay theo thầy nghĩ nghĩ l
miễn, chiêm bao mộng mê vẩn vẩn... Dùng này, đã đ
đều, thuốc này là đước thiên hân.

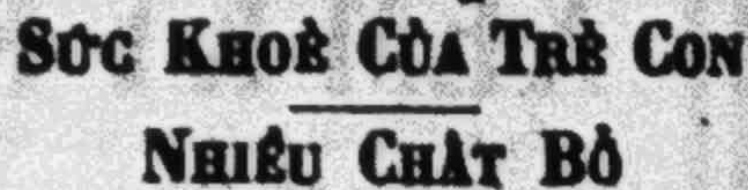
Hai thứ thuốc này một dùng thấp Đông-Pháp, ngoài những bác thợ mình ta đã dùng thuốc, nay xin
định bản phân phát, được quan sát ANTONINI ban khoa thuốc NHÂN-TẠO-HUYẾT sau khi nghĩ
thử nghiệm và phân phát tại phòng LABORATOIRE de CHIMIE de L'INDOCHINE-HANOI; như sau:
..... Thuốc này lấy toàn tinh chất của một thứ cây quí, trong đó có vị NHÂN-SÂM,
c chế theo phương pháp bác chế Thái-tây, hợp dụng cho người An-nam có thể bị khi huyết,
c tăng cơ khỏe, làm cho hồng huyết cầu (globules rouges du sang) tươi tốt trong mạch, và chỉ
c tr được vị đắng tắng, đặc-mai.

Trình dịch đoạn ngài chứng nhận theo CO-TINH HO-THAM :
 Tin tức này không có chất độc, tình thế toàn nguyên vẹn lại (quá) bình an... v.v... v. tri chứng đạo thiện di-tà-ha v.
Có Bán 7 q: SINH-HUY ĐƯỢC ĐIỂM, 89, Phố Ga--VINH và trước chợ Chấn Thanh ĐO LƯƠNG
 TRUNG-ĐỊ: Pailloz, Nuisen Hồng-Lao 185 rue du Pont Japonais, H&A, Malpas Quan-Hi, 87 rue Post-Bert. Mr. Pham-Vân
 Minh, sous-Chef de Musque, Garde-Indigènes. Phan-Thất, Hôar Minh-Nguyễn, rue Gia-Lang. Tsuruta, M.
 Nguyễn-Hữu-Vinh, Avenue Mozée. TONKIN: Oueg-Sg, Mr. Lai-ogee-Thu, entrepreneur.
 Leong-Prabang, Mr. Trâm-Ky Tailleur et commerçant. Vicatiana, An-Bô Drugula, rue Georges Mathé.



Trị các chứng ho như Ho gió, Ho đàm, Ho từng cơn, Ho suyễn, Ho cúm v. v... Một chai 0\$90

PHARMACIE PHAM-DOAN-DIEM TOURANE



sinh các nhà thương binh và các trường học (Lycées)
ở Kháp Đông-Dương

PHU - TRUONG TIENG - DAN

Chuyện làm văn

VĂN NGẮN

Đời mới! sự sống khó! công việc nhọc nhằn! giữa làn sóng sinh tử cạnh tranh này, người đời không sao có thì giờ rảnh.

Giúp sức cho cuộc tiến tới của loài người được mau chóng thêm, như xe hơi, xe hỏa, tàu lặn, tàu bay, cũng dần dần biến thành v.v. công dụng thần khoa học rất lớn. Vậy mà đời sống vẫn cứ khó, công việc trên đường sống vẫn phiền phức, phiền phức cho đến đời người đời không có thì giờ rảnh mà đọc văn xem sách cho được thông thả, ngắm nghĩ, như đời trước nữa.

Nhân thế mà văn giới cũng theo hoàn cảnh thời thế mà thay đổi.

Thay đổi thế nào? Thứ văn dài, hình như đã sa vào cái cảnh không thích, dần dần là những bài trường thiên đại bát, có giá trị đến đâu, cũng chỉ có một số ít người xem, còn phần đông chỉ nhìn mà ngáp! Đó là nói những văn cùng sách hay và tốt, dùng từ cách là bài văn, quyển sách, chứ không kể thứ dốt của và những bài trên mặt báo, lóc lét trống không.

Văn dài đã không thích, tự nhiên văn ngắn ứng thời thế mà xuất hiện.

Văn ngắn đã là con đẻ của thời thế, được người đời yêu chuộng, tự nhiên nhà văn đua nhau mà trau dồi văn ấy. Văn ngắn nói ít mà ý nhiều, chuyện phức tạp mà sắp đặt có manh mối, khiến cho người đọc mất ít thì giờ mà dễ hiểu, tiện cho văn giới biết bao nhiêu! Nhưng xét ra viết được văn ngắn như lối trên, cũng là tay học thức rộng, lịch duyệt nhiều, sau mới biết cách « đào cát tìm vàng, đào giã lấy lời » được. Trái lại, đọc sách chưa thông mạch lạc, xét việc không rõ nguồn gốc, mà viết ra lối văn « hạt gạo » trống rỗng thiếu đuôi, làm cho người xem không hiểu, thì cái lợi không bỏ vào cái hại.

« Phò người say, dờ bên này ngã bên kia » văn giới ta ngày nay có cái cảnh tượng như thế. Nghĩa là văn dài đã sinh chán, không mấy người xem, mà văn ngắn lại mang cái bệnh « chọn không được rảnh, nói không được rõ ». Văn dài quen lối phú diễn « có xác không hồn », mà văn ngắn lại như « trái ôi » chất lại, rời rạc lỏng lẻo, không ăn nhập gì với nhau, mà không ai hiểu mới nó ra sao.

Không phải toàn lợi
Nhân nói « văn ngắn » xin dẫn một chuyện xảy ra trong văn giới nước Tàu vào khoảng gần đây:

Trước 10 năm nay, có một độ người Tân yêu chuộng văn ngắn, thế tập chỉ còn còn ra phôi, trong rãnh những bài

văn ngắn. Một nhà báo nọ trung cầu văn cao, nên cái lệ mới:

« Lai cáo công ngắn công tới »

Thấy cái lệ kia, các nhà văn đua nhau làm văn ngắn. Có một nhà văn nọ làm bài tiểu thuyết, nhan đề là « vũ trụ luận » 宇宙論. mà trong chẳng có một chữ mền mào cả, chỉ đánh một cái dấu « ? » một cái dấu « ! » mà thôi, mà chỉ một cái dấu « ? » vẫn đến thế là cùng! Đồng thời có nhà văn si khác cũng có bài về cái đề « vũ trụ luận » ấy, cũng không có một chữ gì khác, chỉ làm một cái dấu than thở khen ngợi « a ».

Văn ngắn đến thế là tội hực, không có một chữ mền mào cả. Hai cái dấu « ? ! » mà đem làm vũ trụ luận, có cái ý bao quát cao xa trong những chữ « không nói », người làm đã tốn công suy nghĩ nhiều mới biểu thị ý tưởng của mình như thế, mà người xem nếu không phải là người có học thức cao rộng, có mỗi cảm xúc với 2 cái dấu « ? ! » kia, không sao hiểu được.

Đức Khổng - Tử học nhiều, biết rộng, mà khi dạy, ngài nói ngắn: « đạo là một chữ », chỉ có mình thấy lằng lằng từ trái lại một tiếng « đạo », còn mấy ngàn học trò khác phải đợi giảng giải cho rõ mới hiểu được. Chứng với chuyện kể trên, thì văn ngắn cũng không phải là toàn lợi.

Vậy thì nên thế nào?
— Văn đề tỏ ý, ý hết thì thôi. Văn đề ghi chuyện, chuyện rõ là được.

Ngắn hay dài, không phải là cái gì đáng cột văn. S.B.T.

Bản tại Tiếng-Dân

Giấy và Dao

(Ái-tình và oán-ly theo-thuyết)

Giá bán 03-10

Điểm đen trong mặt trời
lớn xấp sáu trái đất

Vết đen trong mặt trời, lần này thường nghe các nhà thiên văn nói đến. Một đấng nhà thiên văn học ở Bắc Kinh phát kiến phía tây mặt trời có vết đen lớn, bề ngang từ 70.000 km. lớn hơn trái đất sáu lần. Kề vết đen trong mặt trời thường thấy lần này thì lớn gấp bốn lần.

Đường kính ngày xuân, mây quang trời sáng, vết đen ấy trông thấy rõ ràng.

Theo nhà thiên văn đã trước đây, thì bề ngang của nó từ 60.000 đến 70.000 km. mà của trái đất chỉ 10.000 km. diện tích trái đất không đủ che hết vết đen ấy được.

Vết đen này ảnh hưởng đến luồng điện ở không trung rất lớn, vì nó có sức làm lay động đến sự quân bình của các hành tinh, có phóng điện đến bề mặt đất và việc hàng hải và hàng không.

BẢN THỐNG KÊ THƠ VIỆN Ở TÀU

Thơ viện ở xứ văn minh như rừng như biển, không hơi đâu mà kể. Nước Trung-hoa ngày nay tuy còn rất kém các nước Âu-Mỹ, song một nước văn hóa rất xưa, nói về kho sách 4000 năm chẳng chứa lại không phải là ít. Đây là trải qua nhiều cơn binh hỏa.

Mới rồi Quảng-châu có đảng tin theo hội ái viên biến thành tây nam, có bản thống kê số những thơ viện như dưới:

Toàn quốc cộng 2.935 cái.
Trong số ấy:
963 cái chứa những sách học phổ thông.
28 cái chứa sách học chuyên môn.
578 sách cho dân chúng đọc.
598 của xã giáo cơ quan.
110 của các cơ quan đoàn phụ thiết.
6094 của các trường học ở các phủ huyện.
11021 nơi duyệt đọc các báo.
Ngoài ra còn những sách « Học sinh đọc vật, Tiểu-học đọc vật », « Năm đồng đọc bản » nào mục lục phát cho các học sinh tiện việc xem đọc, khoản phí gia địa phương chỉ cấp.

Nước Tàu đất rộng người nhiều, thơ viện là trên chưa thấm vào đâu, song họ đã lưu tâm đến « giáo dục phổ cập » để trừ cái nạn « mù chữ » ở xứ Trung kỳ ta từ kinh đô ra, đi khắp các tỉnh phủ huyện, tìm không được một cái thơ viện con.

Hoàn cảnh xã hội thay đổi

(Ông già nói chuyện xưa)

« Ta từng thấy dọc trên đường thiên lý, hai người phu trường cang một người ở tỉnh này sang tỉnh khác, nhứt là khi các quan đi, có khi đến 5.7 cặp so với phu xe ngày nay, càng vất vả hơn.

« Ta từng thấy đêm cưới nhà giàu ở thôn quê, đêm khiêng 5, 10 khiêng, sía trâu, ché rượu, vòng ngựa dâng dâng, có đám đến 70, 80 phu, họ hàng đàn ông thì còn quá nửa, đàn bà nôm na lơ lửng, thà lòng thông gần sát đất, phớt phớt trước người, như ngày nay các quan đeo mây day.

« Ta từng thấy các cậu con nhà giàu sang, một cái khăn nhiều màu sắc dài 15 20 thước, quấn vòng trên đầu như cái nĩa, dưới lại có giấy thất lượng hoặc lụa hoặc hàng bời văn nhuộm đỏ nhuộm lục, thà gần sát đất. Chính nơi thất lượng ngang rún, mang một cái bao, trong bỏ đủ các đồ, tiền bạc, quần áo... đứng ngang như đàn bà mang cái bụng chửa.

« Ta từng thấy những người đi núi, đi biển, đến cõi bất chãi, trong lưng có 1 con dao, 1 viên đá, lại một ống đựng bột mì, (đồ nhậy lửa) mỗi khi cần thì đánh lấy lửa như ngày nay quẹt cây diêm.

« Ta từng thấy các trường thầy đồ, mấy trò đi học mỗi trò một cái tráp, trong đựng một viên mực, vài cây bút lông, một tập vở giấy lộn, một mặt có chữ « mụ » cũ, một mặt thầy phóng chữ son, lại một cuốn lá chuối để viết tập.

« Ta từng thấy nhà vua tha thuế, về triều Tự-Đức năm nào xứ nào bị hạn lụt, bão, chuột, sâu, khai sự thiệt hại, nhiều thì thế cả, ít cũng giảm 5, 3 phần: sau triều Tự-Đức cho đến « y » kể đã mấy đời vua Kiến Quốc Hàm nghị, Đồng Khánh, Thành Thái Duy Tân, Khải Định,

Một xứ không có nạn khủng hoảng, xứ Palestine

Tất cả các nước trên thế giới ngày nay, từ nước giàu mạnh như ở Âu Mỹ cho đến nước yếu kém nhất như xứ Việt nam ta, đều bị một cái nạn chung rất to, là nạn khủng hoảng. Sĩ, nông, công, thương nghiệp gì cũng đều suy sụp cả, bọn lao động, bọn trí thức thất nghiệp ngày một thêm đông, từ hơi đồ hội thành thị cho đến chốn ngõ hẻm hoang vắng, thôn quê dân đói, dân dấn dấn đều bị cơn ma ác nghiệt ấy dày vò, không phương pháp gì tránh khỏi.

Ở giữa cảnh các dân tộc đương lao nhao trong vòng nguy ngập, lo phần đầu với sự sống, lại có một nơi được an hưởng thái bình, không biết khủng hoảng là gì, cũng là một sự lạ, xứ ấy là xứ Palestine ở về châu Á, giáp gần biển Địa Trung Hải.

Hai năm nay, là thời kỳ mà làng xóm không hoang tàn phất phơ đội làm chìm úp biết bao nhiêu thuyền kinh tế trên thế giới, mà ở xứ Palestine lại là thời kỳ kinh tế phát triển là thường.

Xứ Palestine được như thế không phải là không có duyên cớ: cái phần tử (facteur) quan hệ chắc chắn là sự di dân của người Do thái (Jail) sang xứ ấy. Người Do thái đến xứ Palestine không phải như loài chim trời, như loài hoa kiêu ra làm ăn ở nước ngoài, mà đem cả tiền bạc, là đồ cốt yếu trong sự sinh nghiệp nữa. Theo một tờ báo nọ thì người Do thái đem sang Palestine đến 50 triệu đồng livre (tiền Anh), một số lớn bằng tiền vàng, đó là tư bản của sự nghiệp đầu tư (investissements) của họ.

Đồng thời một số rất đông người Do thái từ các nước khác sang Palestine. Năm 1925, 33.801 người, mỗi năm sau, vì mỗi ác cảm của bọn Hồi giáo, số người Do thái nhập cảng có vẻ sụt bớt. Năm 1930, có 49.44 người; 1931, 4.075 người; 1932, 9.553 người. Đảng quốc gia xã hội u ám chính quyền nước Đức, phương trào bài xích Do thái ngày càng nổi liệt, làm cho dân Do thái lại tràn qua Palestine ngày một thêm đông, năm 1933, có đến 40.000 người, tám tháng đầu năm 1934 có đến 26.000 người, hết năm 1934 chắc là còn nhiều hơn nữa.

Từ năm 1933 người Do thái sang Palestine là được một cách rất mau chóng nên kinh tế ở xứ ấy, theo trình độ kinh tế của họ càng phát đạt họ gây dựng lên lên thêm những cơ quan sinh hoạt dễ dàng. Nhờ vậy mà xứ Palestine đồng khổ cổ chấp, dân tình nghiệp khổ, đương giữa lúc kinh tế nguy ngập, một số đông được hàng triệu người thông thả, thật là một việc hiếm có, trong lúc khó khăn này.

Năm 1933 đến nay số người Do thái ở Đức lãnh nạn tới Palestine rất đông, tính đến 16.000 người, trong số ấy 2.000 người tìm được việc làm hoặc làm thợ, hoặc làm ruộng, còn bao nhiêu rải rác ở các thành phố, gây ra một địa vị quan trọng trên trường kỹ nghệ thương mại và sự nghiệp nhà băng, 350 vị thầy thuốc tốt nghiệp ở Đức, mở phòng lâm việc.

Mở có tư bản của bọn Do thái đem đến, đương tài chánh của xứ Palestine được dễ dàng chắc chắn. Thuế nhập rất dễ dãi, các ngân sách đều được dự trữ, chánh phủ cũng lấy làm lạ. Nhứt là thuế thương chánh, năm 1934-35 lên tới 1.870.000 đồng livre, theo số nhập cảng, người ta phỏng đoán trong 10 năm số ấy có thể xấp ba.

Thuế hoa lợi về nghề nông, ngày xưa đứng nhất, bây giờ phải nhường chỗ xuống hạng nhì. Trên đường sinh hoạt, bọn làm công làm việc rất dễ dàng, vì chỗ làm bao giờ cũng nhiều hơn số người xin việc, không như ở xứ ta, thiếu một chỗ làm, hàng mấy chục cái đơn xin đơn đến.

Như vậy mà tiền công lại cao, một người thợ giỏi ở thành phố ăn công mỗi ngày từ 500 đến 800 milia (1000 milia bằng 1 đồng livre) nghĩa là gần một đồng livre. Một người chuyên môn mỗi ngày lương 1 đồng livre đến 1 đồng rưỡi.

Vì tiền công cao, nên có hàng ngàn người Ả-rập (Arabe) ở các xứ Hauran và Transjordanie đã nhao đến xứ Palestine làm ăn.

Người làm ruộng ở Palestine cũng mỗi ngày từ 80 đến 120 milia, ở các nước gần, hàng ấy mỗi ngày chỉ được 20 đến 40 milia là công.

Đương thời kinh tế khó khăn này, cho nước đầu châu này nhứt mặt, mà xứ Palestine riêng ở một trời khỏa lạc thông thả, có thể cho là một cõi Đông-lai trên mặt đất, một xứ đứng nhất trên toàn cầu này vậy.

Thanh

là sự di dân của người Do thái (Jail) sang xứ ấy. Người Do thái đến xứ Palestine không phải như loài chim trời, như loài hoa kiêu ra làm ăn ở nước ngoài, mà đem cả tiền bạc, là đồ cốt yếu trong sự sinh nghiệp nữa. Theo một tờ báo nọ thì người Do thái đem sang Palestine đến 50 triệu đồng livre (tiền Anh), một số lớn bằng tiền vàng, đó là tư bản của sự nghiệp đầu tư (investissements) của họ.

Đồng thời một số rất đông người Do thái từ các nước khác sang Palestine. Năm 1925, 33.801 người, mỗi năm sau, vì mỗi ác cảm của bọn Hồi giáo, số người Do thái nhập cảng có vẻ sụt bớt. Năm 1930, có 49.44 người; 1931, 4.075 người; 1932, 9.553 người. Đảng quốc gia xã hội u ám chính quyền nước Đức, phương trào bài xích Do thái ngày càng nổi liệt, làm cho dân Do thái lại tràn qua Palestine ngày một thêm đông, năm 1933, có đến 40.000 người, tám tháng đầu năm 1934 có đến 26.000 người, hết năm 1934 chắc là còn nhiều hơn nữa.

Từ năm 1933 người Do thái sang Palestine là được một cách rất mau chóng nên kinh tế ở xứ ấy, theo trình độ kinh tế của họ càng phát đạt họ gây dựng lên lên thêm những cơ quan sinh hoạt dễ dàng. Nhờ vậy mà xứ Palestine đồng khổ cổ chấp, dân tình nghiệp khổ, đương giữa lúc kinh tế nguy ngập, một số đông được hàng triệu người thông thả, thật là một việc hiếm có, trong lúc khó khăn này.

Năm 1933 đến nay số người Do thái ở Đức lãnh nạn tới Palestine rất đông, tính đến 16.000 người, trong số ấy 2.000 người tìm được việc làm hoặc làm thợ, hoặc làm ruộng, còn bao nhiêu rải rác ở các thành phố, gây ra một địa vị quan trọng trên trường kỹ nghệ thương mại và sự nghiệp nhà băng, 350 vị thầy thuốc tốt nghiệp ở Đức, mở phòng lâm việc.

Mở có tư bản của bọn Do thái đem đến, đương tài chánh của xứ Palestine được dễ dàng chắc chắn. Thuế nhập rất dễ dãi, các ngân sách đều được dự trữ, chánh phủ cũng lấy làm lạ. Nhứt là thuế thương chánh, năm 1934-35 lên tới 1.870.000 đồng livre, theo số nhập cảng, người ta phỏng đoán trong 10 năm số ấy có thể xấp ba.

Thuế hoa lợi về nghề nông, ngày xưa đứng nhất, bây giờ phải nhường chỗ xuống hạng nhì. Trên đường sinh hoạt, bọn làm công làm việc rất dễ dàng, vì chỗ làm bao giờ cũng nhiều hơn số người xin việc, không như ở xứ ta, thiếu một chỗ làm, hàng mấy chục cái đơn xin đơn đến.

Như vậy mà tiền công lại cao, một người thợ giỏi ở thành phố ăn công mỗi ngày từ 500 đến 800 milia (1000 milia bằng 1 đồng livre) nghĩa là gần một đồng livre. Một người chuyên môn mỗi ngày lương 1 đồng livre đến 1 đồng rưỡi.

Vì tiền công cao, nên có hàng ngàn người Ả-rập (Arabe) ở các xứ Hauran và Transjordanie đã nhao đến xứ Palestine làm ăn.

Người làm ruộng ở Palestine cũng mỗi ngày từ 80 đến 120 milia, ở các nước gần, hàng ấy mỗi ngày chỉ được 20 đến 40 milia là công.

Đương thời kinh tế khó khăn này, cho nước đầu châu này nhứt mặt, mà xứ Palestine riêng ở một trời khỏa lạc thông thả, có thể cho là một cõi Đông-lai trên mặt đất, một xứ đứng nhất trên toàn cầu này vậy.

T. S. định luật

KHÔNG KHÍ PHONG VIỄN

NGƯỜI VỢ HẦU MỘT VI TÔNG THỐNG ĐÀ QUUA ĐỜI, ĐI LẤY CHỒNG KHÁC BỊ QUAN ĐUỔI

Phong triều « Phụ nữ giải phóng » ở Trung - Hoa nghe đã sôi nổi lần này, mà nay ở Thanh - đảo có câu chuyện một người thiếp chết chồng, đi lấy chồng khác lại bị đuổi!

Người ấy là có Ngụy-văn-Tô, vợ nhỏ Tổng thống Lê-nguyên-Hồng.

Theo lời cô, thì cô hầu Lê Tổng thống, sau Lê chết, họ hàng con cái Lê không dung, có phải tự mưu lấy sự sống còn. Đầu năm nay có ông một người chủ buôn họ Vương chính thức kết hôn. Thị sảnh Thanh đảo cho sự tái giá của cô làm xấu danh dự họ Lê. Nên họ liền đuổi không cho cô ở Thanh đảo.

Về đời phong kiến, một vị đế vương có cả hàng ngàn phi tần, đến khi chết, có kẻ bị chôn theo, không được chôn rước trọn đời trong cung. Bởi thế đến đời vua nhà Minh có chuyện « thả cung nữ ra » (phóng xuất) thì trên sự sách biên to chấp lờ, cầm như một cái đồ án đại diện ít có. Nhưng đó là về thời đại quân quyền chuyên chế vô thương kia.

Nước Trung Hoa từ dân quốc thành lập, nền quân chủ đã đổi ra chế độ cộng hòa. Lê nguyên Hồng là một vị Tổng thống chết đã lâu rồi. Có Ngụy văn Tô lại là người thiếp hầu, theo luật pháp Dân quốc không có điều nào buộc cô phải thủ tiết. Trái lại, luật lại công nhận dân bà chết chồng mà lấy chồng khác là hợp pháp. Ấy thế mà ở Thanh đảo lại có giới chế độ phong kiến đời xưa, cho là việc nhục mà đuổi cô, cái đạo chuyện chế độ hệt đến hạn quân xa cóng sáu lâm nhĩ!

Nhân chuyện trên, một tờ báo Tân có lời nhạo rằng: ở Thanh đảo biết bao nhiêu kẻ « bội chủ phản thầy, nay Tân mai Sở », cũng những người xứ khác tới cướp của, hại người... Chán chán giữa mặt công chúng, như nói Thanh đảo là xứ thanh cao trong sạch, sao không đuổi phường « trở ngược lại kỷ dĩ, mà trở lại không dùng một người đàn bà góa đi lấy chồng?

Câu nói sâu sắc thay! Trên đời thường thấy cái tên « hắc mã » cái thiệt lại trái hẳn, chuyện này nữ giới phóng « cũng thế! »

CỎ LỆ NHÂN DÂN AN CẢ

Cần đây thường nghe tướng lệ sinh dục, tướng lệ kết hôn, tướng lệ đồng quốc hóa v.v. Nay ở nước Mỹ lại có lệ nhân dân an cả.

Tin Hoa-bình đưa ngày 21-2 vừa rồi. Tổng thống Mỹ muốn cho đường tiêu lưu và nghề làm cá được phát triển thêm, nên có lệ nhân dân trong nước ăn cá, sai vị giáo dân Thủ dực Nghé khác pháp Đập suất lãnh một đoàn dân bà con gái có sắc đẹp, bận y phục đẹp, đi khắp trong nước, tuyên truyền và vận động, phổ biến ăn cá hợp vệ sinh và có lợi ích cho sắc đẹp.

Nguyên do sự có lệ này là vì người Mỹ ưa ăn thịt hơn cá. Họ đã đưa ra binh quân mỗi người trong một năm dùng cá chỉ 18 phang, người Nhật 50 phang, người Thụy điển dùng 50 phang.

